

Số: 61/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 07/14/2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung cập nhật tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa là đột phá quan trọng hàng đầu để mở rộng không gian sáng tạo, là động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất

hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị đối với hoạt động văn hóa trên môi trường số.

2. Chuyển đổi số là công cụ kết nối giữa bảo tồn, phát huy, sáng tạo với phát triển kinh tế số, xã hội số dựa trên các giá trị văn hóa dân tộc, góp phần hiện đại hóa quản trị lĩnh vực văn hóa, cho phép sáng tạo nhiều sản phẩm văn hóa mới trên cả môi trường vật lý và môi trường số, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên số.

3. Lấy người dân, cộng đồng sáng tạo làm trung tâm, vừa là chủ thể tham gia, vừa là đối tượng thụ hưởng của quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

4. Chuyển đổi số là phương thức để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia và thụ hưởng văn hóa công bằng của mọi người dân.

5. Hình thành và phát triển hệ sinh thái văn hóa số toàn diện, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giá trị đạo đức căn bản của con người, bảo vệ chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng và chủ động hội nhập quốc tế, gắn với phát triển xã hội số và kinh tế số.

6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa phải bảo đảm hài hòa giữa ứng dụng công nghệ số hiện đại với bảo tồn và phát huy tri thức bản địa, trong đó lấy dữ liệu và công nghệ số làm nền tảng, chuyển tri thức bản địa, văn hóa thành nguồn lực mới cho phát triển, mở rộng khả năng bảo tồn, lan tỏa di sản văn hóa và nâng cao chất lượng trải nghiệm văn hóa của người dân.

7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa phải gắn với mục tiêu tăng cường sức mạnh mềm quốc gia, củng cố chủ quyền văn hóa số và hướng tới mở rộng tầm ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

8. Nhà nước, khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt, kiến tạo, thúc đẩy hợp tác giữa khu vực công và tư, mở rộng hợp tác quốc tế để hình thành một hệ sinh thái văn hóa số bền vững, sáng tạo, phát triển và gắn với chuỗi giá trị toàn cầu.

II. YÊU CẦU

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa phải bảo đảm giữ gìn, phát huy bản sắc, giá trị cốt lõi và tinh hoa của văn hóa Việt Nam; gắn với đổi mới sáng tạo nhằm tạo sức sống mới cho các giá trị văn hóa, mở rộng phương thức tiếp cận, nâng cao sức lan tỏa và năng lực cạnh tranh của văn hóa Việt Nam trên môi trường số.

2. Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên cơ sở 5 trụ cột chiến lược, bảo đảm xây dựng khuôn khổ tổ chức và vận hành thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm phục vụ công tác quản lý, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng văn hóa trên môi trường số.

a) Trụ cột 1: Hạ tầng số và nền tảng dữ liệu văn hóa quốc gia

- Chủ động xây dựng, làm chủ hạ tầng văn hóa số quốc gia và phát triển hệ sinh thái văn hóa số bản địa, từng bước hạn chế sự phụ thuộc vào các nền tảng xuyên biên giới, góp phần bảo vệ chủ quyền số, an toàn dữ liệu và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trên không gian số.

- Phát triển hạ tầng số và các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng mở rộng; chủ động kiểm soát các nguy cơ rủi ro, bảo vệ tài nguyên số, dữ liệu và chủ quyền văn hóa trên môi trường số nhằm làm cơ sở bảo đảm các hoạt động quản lý, sáng tạo, phân phối và thụ hưởng văn hóa được triển khai trên môi trường số thông minh, an toàn, hiệu quả và bền vững.

b) Trụ cột 2: Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về văn hóa

- Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ, ổn định và thuận lợi nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; tạo môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, sản xuất, phổ biến các tác phẩm, sản phẩm văn hóa trên môi trường số.

- Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý nhà nước; đột phá về tư duy quản lý, đổi mới mô hình và phương thức điều hành trên cơ sở số hóa quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng hệ thống quản trị và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

c) Trụ cột 3: Phát triển nguồn nhân lực số cho ngành văn hóa

Trang bị, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nghệ sĩ và người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nhằm nâng cao khả năng thích ứng, chủ động dẫn dắt và sáng tạo trên môi trường số; bảo đảm phát triển đội ngũ nhân lực đủ năng lực, kỹ năng, tinh thần chủ động thích ứng với chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng lực lượng chuyên gia nòng cốt, cán bộ dẫn dắt và mạng lưới nhân sự hỗ trợ tại cơ sở, kết hợp giữa năng lực văn hóa - công nghệ - quản trị.

d) Trụ cột 4: Số hóa di sản và tài nguyên văn hóa

Số hóa toàn diện di sản và tài nguyên văn hóa bằng công nghệ hiện đại, bảo đảm tính hệ thống, chuẩn hóa, đồng bộ, thống nhất, dùng chung, góp phần bảo tồn lâu dài và bền vững, nâng cao giá trị di sản, mở rộng khả năng tiếp cận và lan tỏa tri thức văn hóa, đồng thời tạo nguồn tài nguyên phong phú phục vụ nghiên cứu, sáng tạo, giáo dục, truyền thông và phát triển công nghiệp văn hóa.

đ) Trụ cột 5: Phát triển công nghiệp văn hóa số

- Tổ chức sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa trên nền tảng số, nhằm phát triển thị trường văn hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng không gian sáng tạo và tạo động lực phát triển kinh tế cho ngành văn hóa.

- Phát triển các mô hình kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa dựa trên tài nguyên văn hóa số để tạo nguồn lực tái đầu tư cho bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá.

2. Thúc đẩy mở dữ liệu và kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu văn hóa giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu, quyền khai thác hợp pháp, là chìa khóa, giải pháp then chốt để khơi thông dòng chảy sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho hình thành và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mới trên môi trường số.

3. Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa theo tinh thần bền bỉ, kiên định mục tiêu, linh hoạt phương thức, kịp thời thích ứng với xu thế phát triển công nghệ và sự thay đổi hành vi tiêu dùng văn hóa số.

4. Bảo đảm phân bổ đủ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng cơ chế quản lý kinh phí linh hoạt, minh bạch; đa dạng hóa nguồn và phương thức đầu tư, lấy nguồn lực khu vực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, định hướng đầu tư ban đầu, tạo động lực thu hút, huy động xã hội hóa và khu vực tư nhân; khuyến khích hợp tác công - tư trong các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

5. Tăng cường huy động nguồn lực, tiếp thu tri thức, công nghệ và mô hình phát triển tiên tiến từ quốc tế; chủ động mở rộng mạng lưới hợp tác chiến lược; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa gắn với hội nhập và lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

Hiện đại hóa toàn diện hệ sinh thái văn hóa số quốc gia nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu sáng tạo và chủ động hội nhập quốc tế; đưa văn hóa số trở thành nguồn lực mới cho phát triển bền vững; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa; bảo đảm tài nguyên văn hóa được mở rộng số hóa, chia sẻ hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% lĩnh vực văn hóa có nền tảng số dùng chung.

- 100% các loại hình di sản văn hóa đã số hóa được chuẩn hóa dữ liệu theo khung chuẩn quốc gia và chia sẻ theo quy định; 80% di sản văn hóa số công có mã định danh số để xác lập quyền sở hữu, kiểm soát khai thác, khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp cũng xác định mã định danh, quyền sở hữu để thúc đẩy thị trường.

- Ít nhất 80% di sản văn hóa phi vật thể của vùng đồng bào dân tộc thiểu số được số hóa và lưu trữ trong các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về văn hóa.

- 100% cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa kết nối và đồng bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- 100% đơn vị quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của ngành văn hóa có kế hoạch và lộ trình chuyển đổi số phù hợp.

- 100% hệ thống Thư viện quốc gia, Bảo tàng quốc gia về lịch sử và văn hóa, các bảo tàng công lập tập trung triển khai hoàn thiện Thư viện số, Bảo tàng số, phát triển mô hình thư viện, bảo tàng thông minh, đồng thời mở rộng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong mạng lưới thư viện, bảo tàng Việt Nam và quốc tế.

- Ít nhất 70% bảo tàng, thư viện, nhà hát, đoàn nghệ thuật, liên đoàn thể thao, khu du lịch, cơ quan báo chí và doanh nghiệp nội dung số có dữ liệu chia sẻ, kết nối với hạ tầng dữ liệu dùng chung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bảo đảm ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa trên môi trường số.

- 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, văn nghệ sĩ, sinh viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc ngành văn hóa, nghệ thuật được tiếp cận, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng số.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển hoàn thiện hệ sinh thái văn hóa số toàn diện, thông minh, tương tác cao, vừa bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, vừa lan tỏa mạnh mẽ văn hóa Việt ra thế giới và hội nhập quốc tế. Văn hóa số Việt Nam trở thành động lực phát triển con người Việt Nam toàn diện và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia, trong đó phấn đấu các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo thực sự trở thành trụ cột bền vững, đóng góp 9% GDP, quy mô các sản phẩm công nghiệp văn hóa số chiếm tỷ trọng trên 80% sản phẩm công nghiệp văn hóa.

IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước, từ trung ương đến địa phương.

2. Đối tượng của Đề án: Các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; người dân; đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân; doanh nghiệp và các chủ thể tham gia sáng tạo, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên môi trường số; trong đó chú trọng bảo đảm cơ hội tiếp cận, tham gia và thụ hưởng văn hóa cho mọi người dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp nền tảng

a) Hoàn thiện thể chế và chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới nhằm hoàn thiện đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa về bản

quyền số, sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các quyền liên quan, dữ liệu văn hoá số, tài sản văn hoá số, nội dung số, dịch vụ văn hóa số và các hoạt động văn hóa trên môi trường số; ưu tiên xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ hệ thống các văn bản Luật về: Sở hữu trí tuệ, Phát triển công nghiệp văn hóa, Bản quyền tác giả, Di sản văn hoá, Điện ảnh, Nghệ thuật biểu diễn, Thư viện và các văn bản dưới luật. Việc hoàn thiện thể chế cần theo hướng đồng bộ giữa các lĩnh vực, tiếp cận quản lý theo vòng đời dữ liệu, bảo đảm phù hợp với xu thế phát triển của khoa học - công nghệ, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, minh bạch, khả thi và thuận lợi cho công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xác lập, quản lý, khai thác, giao dịch, bảo hộ tài sản văn hóa số, thúc đẩy chuyển đổi số và sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa.

- Ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư trong chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa. Tập trung xây dựng cơ chế đặt hàng dịch vụ số hóa và dịch vụ dữ liệu từ doanh nghiệp; hoàn thiện quy định về liên kết công - tư trong quản trị, vận hành các nền tảng văn hóa số; xây dựng chính sách ưu đãi và cho phép thí điểm cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khuyến khích thử nghiệm và triển khai các mô hình sáng tạo ứng dụng công nghệ hiện đại; thúc đẩy hình thành quỹ đầu tư, ươm tạo sản phẩm văn hóa - công nghệ. Khuyến khích các mô hình hợp tác linh hoạt, chia sẻ lợi ích công - tư một cách minh bạch, bền vững, trên cơ sở bảo vệ chủ quyền dữ liệu và lợi ích quốc gia.

- Ban hành và triển khai chương trình chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ lõi trong lĩnh vực văn hóa, với ưu tiên lựa chọn các công nghệ, nền tảng số được phát triển trong nước hoặc hợp tác quốc tế bảo đảm Việt Nam làm chủ công nghệ, quản lý dữ liệu và an toàn thông tin.

- Hoàn thiện quy định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số trong hoạt động văn hóa. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội dung xuyên biên giới, phòng chống rò rỉ dữ liệu văn hóa quan trọng, bảo vệ các nền tảng dữ liệu do Nhà nước đầu tư theo tinh thần chủ động phòng ngừa rủi ro, gắn với bảo đảm quyền tiếp cận văn hóa lành mạnh cho người dân; đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Xây dựng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai đồng bộ hệ sinh thái số văn hóa. Ưu tiên xây dựng và ban hành các quy định kỹ thuật phục vụ quản lý và quản trị dữ liệu, nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tuân thủ nguyên tắc từng bước hài hòa với quốc tế, bảo đảm khả năng tích hợp, tái sử dụng và mở rộng tài nguyên văn hóa số trong dài hạn.

b) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm của ngành văn hóa. Tập trung nguồn lực để triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên

ngành, nền tảng số dùng chung. Phân đầu nguồn lực nhà nước dẫn dắt nguồn lực xã hội tham gia phát triển những lĩnh vực mới, đột phá trong lĩnh vực văn hóa. Phân bổ ngân sách thực hiện bảo đảm tính lâu dài, ổn định và phù hợp tiến độ triển khai chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế tài chính đặc thù cho chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa. Nghiên cứu ban hành định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với hoạt động số hóa và vận hành hệ thống số trong ngành văn hóa, đặc biệt là số hóa di sản, biểu diễn nghệ thuật, xuất bản điện tử. Xây dựng quy trình lập, phân bổ và quyết toán kinh phí theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng tính chủ động cho đơn vị thực hiện và tăng cường kiểm soát hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội và thúc đẩy đầu tư ngoài ngân sách nhà nước. Thí điểm mô hình liên kết công tư trong phát triển nền tảng văn hóa số, kho dữ liệu mở và không gian trải nghiệm số; ban hành chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng đối với doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, phát triển công nghệ lõi trong lĩnh vực văn hóa. Thực hiện xã hội hóa trên nguyên tắc minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận và phân phối lợi ích, đồng thời giữ vai trò định hướng của Nhà nước trong các lĩnh vực then chốt.

- Rà soát, lồng ghép, liên kết các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các chương trình, kế hoạch, đề án của ngành văn hóa và các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan. Lồng ghép, liên kết nội dung chuyển đổi số vào các chương trình như Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình chuyển đổi số quốc gia, và các chương trình, đề án khác có liên quan, nhằm tận dụng hiệu quả các nguồn lực tổng hợp và tạo tính liên kết giữa các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng, liên thông giữa các cấp, các lĩnh vực, gắn kết các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa với các lĩnh vực giáo dục, du lịch, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, nhằm tạo hệ sinh thái văn hóa số thống nhất, đồng bộ và bền vững.

- Đẩy mạnh, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

c) Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số văn hóa

- Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong ngành văn hóa gắn với năng lực số. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và kỹ năng số cơ bản và nâng cao, phù hợp với từng vị trí công tác; đồng thời tích hợp các nội dung này trong chương trình đào tạo đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc ngành văn hóa; đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo, nhân

lực của các bảo tàng, thư viện, nhà hát và các lĩnh vực chuyên ngành văn hóa khác, cán bộ xử lý hồ sơ điện tử. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, có đánh giá đầu ra và gắn với kết quả ứng dụng thực tiễn.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ chuyên trách và lực lượng dẫn dắt chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Hình thành mạng lưới chuyên gia số lĩnh vực văn hóa tại trung ương và địa phương, được tuyển chọn, tập huấn và giao nhiệm vụ rõ ràng, đi kèm với chính sách hỗ trợ, khuyến khích sáng kiến và kết nối chuyên môn.

- Tăng cường hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa - công nghệ - đổi mới sáng tạo. Xây dựng các chương trình liên kết giữa các trường văn hóa - nghệ thuật với các trường đào tạo công nghệ thông tin, công nghệ sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức quốc tế để đào tạo các chuyên ngành mới như văn hóa số, quản trị di sản số, công nghệ biểu diễn, thiết kế trải nghiệm số....

- Hình thành mạng lưới cộng tác viên chuyển đổi số cấp cơ sở. Tuyển chọn và bồi dưỡng lực lượng cộng tác viên số tại các thôn, bản, làng văn hóa, cộng đồng dân cư, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, để hỗ trợ số hóa dữ liệu văn hóa, hướng dẫn sử dụng dịch vụ văn hóa số cho người dân; tập huấn kỹ năng số, truyền thông số và khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài nguyên văn hoá bản địa.

d) Phát triển hạ tầng số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong lĩnh vực văn hóa

- Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng số dùng chung toàn ngành văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Tập trung hoàn thiện nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu ngành (LGSP ngành văn hóa), nền tảng quản trị dữ liệu, nền tảng di sản số, nền tảng thư viện số và các nền tảng dữ liệu chuyên ngành của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, điện ảnh... theo mô hình chia sẻ dùng chung; bảo đảm hạ tầng văn hóa số đủ năng lực lưu trữ, xử lý, truyền tải dữ liệu lớn, đa phương tiện, thời gian thực.

- Bảo đảm kết nối đồng bộ với hạ tầng số quốc gia và các ngành liên quan. Kết nối LGSP ngành với nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia, tích hợp, kết nối dữ liệu với các nền tảng số quốc gia (cổng dịch vụ công trực tuyến, nền tảng định danh - xác thực điện tử (VNeID), nền tảng dữ liệu dân cư, định danh tổ chức, định danh địa điểm...); thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu văn hóa với các ngành như giáo dục, du lịch, thể thao, khoa học và công nghệ nhằm tạo hệ sinh thái dữ liệu số liên ngành, liên thông phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo mật tài nguyên văn hóa số. Từng bước triển khai giải pháp quản trị tập trung tài nguyên số trong lĩnh vực văn hóa; xác lập cơ chế kiểm soát truy cập và khai thác phù hợp; xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin cấp bộ (Hệ thống SOC cấp bộ) kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Hệ thống SOC quốc gia) theo mô hình Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

- Tổ chức đánh giá, thẩm định, phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống theo quy định. Định kỳ rà soát, nâng cấp hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin hiện đại, linh hoạt, bảo đảm phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn kịp thời rủi ro; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan chức năng liên quan; thực hiện bảo trì, kiểm tra, bảo đảm an toàn và tiêu hủy an toàn thiết bị lưu trữ khi không còn sử dụng theo quy định.

- Thúc đẩy sử dụng điện toán đám mây và các công nghệ hạ tầng mới. Khuyến khích nghiên cứu, sản xuất, triển khai các giải pháp hạ tầng số, nền tảng số, giải pháp dữ liệu lớn, đa phương tiện do doanh nghiệp công nghệ Việt Nam thực hiện. Ưu tiên triển khai mô hình "hạ tầng như một dịch vụ" trên nền tảng đám mây dùng chung; tận dụng nền tảng điện toán biên, mạng phân phối nội dung (CDN), các công nghệ truyền phát dữ liệu số như truyền phát trực tuyến (streaming), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), Internet vạn vật (IoT) và các công nghệ tiên tiến khác nhằm tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành.

- Phát triển các nền tảng số, hạ tầng dữ liệu để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển và lan tỏa văn hóa; xây dựng và vận hành nền tảng, sàn giao dịch có quy mô quốc gia để hỗ trợ quản lý, trao đổi, giao dịch các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và bản quyền, tài sản văn hóa số trên môi trường số. Phát huy vai trò của Nhà nước, khu vực kinh tế nhà nước tiên phong, dẫn dắt, kiến tạo, tham gia thiết kế, xây dựng, vận hành hạ tầng văn hóa số, phát triển các nền tảng văn hóa số thiết yếu, tạo dòng chủ lưu trong sáng tạo các sản phẩm văn hóa Việt Nam, hình thành hệ sinh thái văn hóa số bền vững, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng Bộ chỉ số về chuyển đổi số văn hóa dựa trên mức độ hài lòng của người dân; ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI)... trong việc tổ chức thu thập, phân tích, đánh giá, đo lường, bảo đảm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách trong lĩnh vực văn hóa.

đ) Hợp tác và hội nhập quốc tế trong chuyển đổi số văn hóa

- Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số văn hóa. Triển khai các chương trình hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế như UNESCO, ASEAN, cũng như với các quốc gia là đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện và các nước có nền công nghiệp văn hóa phát triển như Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Vương quốc Anh...; tập trung vào các lĩnh vực: số hóa di sản văn hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại trong trưng bày, bảo tồn, truyền thông và phát huy giá trị di sản; hợp tác nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển nền tảng số văn hóa; thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm chính sách, quản trị dữ liệu theo thông lệ quốc tế; tham gia sâu, chủ động và có trách nhiệm trong các mạng lưới hợp tác quốc tế về văn hóa số như Liên minh Di sản số Toàn cầu, Liên minh Di sản số ASEAN, Mạng lưới Thư viện số quốc tế, Mạng lưới Bảo tàng số quốc tế...

- Thu hút chuyên gia, nguồn lực tài chính và công nghệ quốc tế; thực hiện các sáng kiến hợp tác với các tổ chức quốc tế, các định chế tài chính đa phương, các quỹ đầu tư phát triển văn hóa và chuyển đổi số; kêu gọi tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật để triển khai các dự án ưu tiên như nền tảng di sản số, thư viện số mở, trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa - công nghệ, bảo vệ tài sản văn hóa số.

- Thiết lập quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước; phát triển các mô hình đối tác công - tư với doanh nghiệp công nghệ trong nước và quốc tế để triển khai các nền tảng dịch vụ số văn hóa, nền tảng truyền thông tri thức xã hội số về văn hóa, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực số, ứng dụng công nghệ tiên tiến và các mô hình mới trong biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, xuất bản, trưng bày, bảo tồn và truyền thông văn hóa số.

- Hình thành mạng lưới sáng kiến và chuyên gia chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo chuyên đề, mạng lưới chuyên gia Việt Nam và quốc tế về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng cơ chế chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi mô hình thành công trong ứng dụng công nghệ vào sáng tạo, bảo tồn và truyền bá văn hóa, nhằm thúc đẩy quá trình học hỏi liên tục và đổi mới sáng tạo trong ngành.

- Gắn kết hợp tác trên môi trường số với ngoại giao văn hóa và quảng bá quốc gia; phát huy vai trò phối hợp của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc tổ chức, hỗ trợ và lan tỏa các hoạt động quảng bá văn hóa trên môi trường số tại địa bàn sở tại. Triển khai các sáng kiến như “Bản đồ số di sản Việt Nam”, gian trưng bày số tại các hội chợ, hội thảo quốc tế, các hoạt động văn hóa số trên nền tảng xuyên biên giới, nhằm giới thiệu di sản, sản phẩm và giá trị văn hóa Việt Nam ra toàn cầu. Đồng thời, nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế huy động và thu hút nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tham gia phát triển, sáng tạo và quảng bá các sản phẩm, nội dung văn hóa số Việt Nam.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý, chia sẻ dữ liệu văn hóa số, hợp tác quốc tế và quảng bá quốc gia, bảo đảm đồng bộ với các chương trình thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa, chuyển đổi số quốc gia và các cam kết, thỏa thuận quốc tế của Việt Nam.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chuyên biệt

a) Lĩnh vực Di sản văn hóa

- Rà soát, hoàn thiện và ban hành bộ tiêu chuẩn số hóa cho từng loại dữ liệu di sản, bao gồm định dạng và cấu trúc dữ liệu, siêu dữ liệu, các quy định kỹ thuật về bảo quản, khai thác và sử dụng dữ liệu. Thiết lập quy trình số hóa, kết nối, liên thông, cập nhật và khai thác dữ liệu thống nhất, dùng chung trên phạm vi quốc gia. Xây dựng cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu di sản văn hóa Việt Nam với hệ thống dữ liệu quốc tế, trong đó có UNESCO và các tổ chức quốc tế khác.

- Thực hiện số hóa toàn diện di sản văn hóa Việt Nam theo đúng kế hoạch và phạm vi được quy định, bao gồm di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, bảo tàng và di sản tư liệu của các dân tộc Việt Nam nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Bảo đảm mọi di sản văn hóa hiện diện trên môi trường số, ưu tiên các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu được UNESCO ghi danh; các di tích quốc gia đặc biệt, các bảo vật quốc gia, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các hiện vật trong bảo tàng quốc gia và các di tích quốc gia có nguy cơ mai một, xuống cấp hoặc bị hủy hoại do tác động của thiên nhiên và quá trình đô thị hóa.

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa đồng bộ, hiện đại và an toàn, phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, giáo dục, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Hệ thống được thiết kế trên nền tảng kho lưu trữ dữ liệu di sản quy mô quốc gia, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được chuẩn hóa, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia về dữ liệu và siêu dữ liệu, định dạng và cấu trúc dữ liệu, quy định bảo quản số, bảo mật và kết nối, liên thông giữa các bảo tàng, thư viện, cơ quan quản lý văn hóa và các đơn vị liên quan ở trung ương và địa phương. Kho lưu trữ dữ liệu được thiết kế theo chuẩn quốc tế, bảo đảm lưu trữ dài hạn, có cơ chế sao lưu, bảo mật, đồng thời hỗ trợ các công cụ tra cứu, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, nghiên cứu và truyền thông.

- Xây dựng phiên bản số cho Bảo tàng Lịch sử quốc gia, hướng tới hình thành trung tâm bảo tồn và bảo quản số quốc gia có chức năng sưu tầm, lưu trữ, phục dựng, trưng bày và phổ biến tri thức lịch sử - văn hóa dân tộc bằng công nghệ số hiện đại, giữ vai trò hạt nhân kết nối và chia sẻ dữ liệu, nội dung số với hệ thống bảo tàng, trung tâm lưu trữ và cơ sở văn hóa - giáo dục trong nước, khu vực và quốc tế; thực hiện nâng cấp và đầu tư phát triển hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu của các bảo tàng công lập bảo đảm liên thông, đồng bộ, an toàn và mở. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong số hóa hiện vật, trưng bày tương tác, giáo dục trải nghiệm và du lịch văn hóa số; đa dạng hóa nội dung, hình thức trưng bày; phát triển các bộ sưu tập số tương tác và các mô hình kinh tế sáng tạo trong lĩnh vực bảo tàng và di sản, góp phần thúc đẩy công nghiệp văn hóa và quảng bá văn hóa Việt Nam trên không gian số.

- Phát triển hệ thống tham quan trực tuyến, vé điện tử và hệ thống hướng dẫn tự động đa ngôn ngữ nhằm mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng đối với di sản văn hóa và bảo tàng.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ và chuyên ngành trong bảo tồn, bảo vệ di sản vật thể, di tích, danh lam thắng cảnh. Ứng dụng các công nghệ hiện đại để quản lý, khai thác dữ liệu di sản văn hóa, tái hiện không gian trưng bày, hiện vật và nâng cao trải nghiệm tham quan.

b) Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn và văn học

- Thực hiện số hoá toàn diện tư liệu nghệ thuật biểu diễn: Ghi âm, ghi hình, số hoá vở diễn, bản nhạc, kịch bản, tư liệu sân khấu, lễ hội, nghệ thuật truyền thống và các loại hình dân gian đặc sắc; ứng dụng công nghệ hiện đại để phục dựng, lưu giữ và phát huy giá trị các tác phẩm, loại hình nghệ thuật biểu diễn.

- Đổi mới phương thức quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn; chuyên đổi hệ thống quản lý hoạt động biểu diễn, lưu diễn, tổ chức chương trình sang hình thức trực tuyến, bảo đảm minh bạch, thuận tiện tra cứu; thiết lập quy trình quản lý nội dung số; xây dựng hệ thống theo dõi hoạt động biểu diễn theo vùng, thời gian, loại hình và đơn vị; liên thông dữ liệu với cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý quyền tác giả và các quyền liên quan để kiểm soát, ngăn ngừa vi phạm; hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường, khán giả và doanh thu biểu diễn phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nghệ sĩ, nhóm nghệ sĩ và đơn vị nghệ thuật (hồ sơ, thành tích, tác phẩm, quyền sở hữu trí tuệ...) phục vụ nghiên cứu, quản lý và quảng bá; ưu tiên số hoá các vở diễn kinh điển, nghệ sĩ gạo cội và di sản nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, bảo đảm tính kế thừa, lan tỏa; kết nối, tích hợp dữ liệu từ các đơn vị nghệ thuật biểu diễn và cơ quan văn hoá địa phương, từng bước hình thành kho dữ liệu số dùng chung của ngành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về văn học quốc gia (các tác phẩm văn học Việt Nam tiêu biểu, nổi bật, giải thưởng văn học quốc gia, các cuộc thi viết, sáng tác, trại viết, trại sáng tác văn học, tác phẩm dịch từ tiếng Việt Nam ra tiếng nước ngoài...), hoàn thiện hệ sinh thái văn học số.

- Phát triển nền tảng lưu trữ, trình chiếu và phát trực tuyến biểu diễn: Xây dựng Nền tảng Nghệ thuật biểu diễn số quốc gia tích hợp các chức năng phát sóng trực tiếp (livestream), truyền hình tương tác, phát lại (on-demand), thư viện số và kho dữ liệu biểu diễn. Hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật phổ biến tác phẩm trực tuyến, mở rộng tiếp cận công chúng trong và ngoài nước, hình thành các mô hình phân phối nội dung tương tự các nền tảng quốc tế nhưng dành riêng cho sản phẩm văn hóa Việt Nam. Tăng cường tương tác qua các nền tảng trực tuyến, hình thành mô hình “khán giả số”. Tích hợp hệ thống bán vé điện tử, hướng dẫn tự động đa ngôn ngữ, thanh toán số, quản lý bản quyền và thống kê doanh thu.

- Ứng dụng công nghệ mô phỏng, phục dựng không gian và hình thức biểu diễn để tái hiện không gian sân khấu, vở diễn huyền thoại, bảo tồn nghệ thuật truyền thống; xây dựng “không gian biểu diễn số” và “sân khấu số” tích hợp nhiều phương tiện, âm thanh - ánh sáng và kỹ xảo hiện đại; tổ chức biểu diễn ảo, giao lưu trực tuyến nghệ sĩ - khán giả, mở ra các hình thức biểu diễn mới phù hợp xu thế số.

c) Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

- Triển khai số hoá tác phẩm và dữ liệu quản lý tác phẩm, tác giả; thực hiện số hoá, lưu trữ bản gốc các tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh đạt giải thưởng hoặc tham dự triển lãm chính thức nhằm hình thành kho tư liệu chuẩn. Chuẩn hóa dữ liệu và siêu dữ liệu theo thông lệ quốc tế, bảo đảm tính minh bạch, khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ, thống nhất và dùng chung.

- Phát triển nền tảng số cho trưng bày và quản lý; triển khai triển lãm trực tuyến, trưng bày số ứng dụng công nghệ hiện đại, đa phương tiện và các giải pháp công nghệ tiên tiến, tạo trải nghiệm tương tác sinh động cho công chúng tại không gian thực và tham quan từ xa. Hỗ trợ triển lãm trên không gian số; kết nối, chia sẻ giữa các thiết chế mỹ thuật - triển lãm với lĩnh vực giáo dục mỹ thuật, du lịch văn hoá và hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia; xây dựng Hệ thống Quản lý dữ liệu và Trưng bày số quốc gia về tác phẩm và nghệ sĩ, mỹ thuật - nhiếp ảnh và triển lãm, phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, sáng tạo, giáo dục, truyền thông và quảng bá nghệ thuật Việt Nam trên môi trường số.

- Bảo hộ quyền tác giả, các quyền liên quan và xác thực tác phẩm trên môi trường số; phát triển hệ thống giám sát trực tuyến nhằm phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền; kết hợp ứng dụng các giải pháp công nghệ và biện pháp pháp lý để xác thực, bảo vệ tác phẩm trên môi trường số, đặc biệt là ứng dụng các công nghệ mới như công nghệ chuỗi khối (blockchain), tài sản số không thể thay thế (NFT) hoặc các giải pháp chứng thực số để tạo “chứng minh thư số” cho tác phẩm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của nghệ sĩ, phòng chống sao chép, chỉnh sửa, phát tán trái phép; từng bước hình thành thị trường giao dịch tác phẩm số minh bạch, tạo niềm tin cho nhà sưu tập, nhà đầu tư và công chúng.

- Liên thông dữ liệu với hệ thống cấp phép, trao giải và sưu tập quốc gia; kết nối dữ liệu về tác phẩm, giải thưởng, triển lãm, giao dịch với hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia, bảo đảm công khai, minh bạch trong xét duyệt, cấp phép và quản lý; hỗ trợ tra cứu thông tin về lịch sử triển lãm, giải thưởng, nguồn gốc tác phẩm, phục vụ công tác thẩm định, định giá và quản lý sưu tập.

d) Lĩnh vực Điện ảnh

- Triển khai số hóa các phim đã thực hiện lưu chiếu; xây dựng hệ thống quản lý điện ảnh trên nền tảng số thống nhất, tích hợp các quy trình nghiệp vụ như lưu chiếu, cấp phép, thẩm định và phân loại phim, phát hành và phổ biến phim, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh; nghiên cứu xây dựng mã định danh chuẩn cho phim trong cơ sở dữ liệu điện ảnh phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm quản lý thống nhất, khả năng truy xuất và liên thông dữ liệu, đồng thời hỗ trợ tra cứu, nghiên cứu, quảng bá và khai thác giá trị của phim Việt Nam trong môi trường số.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện ảnh và kho phim số quốc gia đồng bộ, hiện đại, đóng vai trò hạ tầng trung tâm cho việc lưu trữ, bảo quản lâu dài, quản lý và khai thác các tác phẩm điện ảnh Việt Nam. Hệ thống tích hợp chức năng lưu trữ phim số với cơ sở dữ liệu điện ảnh, bao gồm thông tin về tác phẩm điện ảnh, diễn viên, đạo diễn, biên kịch, nhà sản xuất, phim trường, doanh nghiệp sản xuất và phát hành phim, hệ thống rạp chiếu phim cùng các dữ liệu liên quan trong hệ sinh thái điện ảnh.

- Phát triển các nền tảng phục vụ quản lý - điều hành, phát hành trong lĩnh vực điện ảnh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các trường điện ảnh, viện đào tạo, hãng phim và doanh nghiệp công nghệ lớn nhằm chuyên giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản trị số trong lĩnh vực điện ảnh, giúp điện ảnh Việt Nam nhanh chóng bắt kịp xu thế chuyển đổi số toàn cầu.

đ) Lĩnh vực Thư viện

- Thực hiện chuẩn hoá dữ liệu số và số hoá tài nguyên thông tin; ban hành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật về định dạng dữ liệu, siêu dữ liệu, quy tắc biên mục, phân loại và mô tả tài liệu, áp dụng chuẩn quốc tế nhằm bảo đảm tính thống nhất, khả năng liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các thư viện trong nước và quốc tế; thực hiện số hóa có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tài liệu in cổ, quý hiếm, địa chí, thư tịch, tài liệu nghe nhìn và các loại hình tư liệu di sản văn hóa gắn với tri thức bản địa, bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và giá trị sử liệu của dữ liệu số.

- Áp dụng các giải pháp bảo tồn lâu dài, lưu trữ đa tầng và bảo mật cao nhằm phòng ngừa rủi ro mất mát, hư hại dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong suốt vòng đời quản lý, khai thác và sử dụng.

- Phát triển nền tảng thư viện số quốc gia dùng chung kết nối, chia sẻ và liên thông đa chiều; xây dựng thư viện số quốc gia, liên kết thư viện công lập, chuyên ngành, trường học và địa phương trong một mạng lưới thống nhất; tích hợp các dịch vụ đọc trực tuyến, mượn, trả tài liệu điện tử và tải về an toàn, bảo đảm bảo vệ bản quyền tài liệu số; phát triển các ứng dụng di động để mở rộng khả năng tiếp cận, giúp người dân học tập mọi lúc, mọi nơi; kết nối dữ liệu thư viện số với các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghiên cứu và sáng tạo, mở rộng khả năng tiếp cận và sử dụng tri thức số trong cộng đồng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách lâu dài để thư viện trở thành mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái văn hoá số quốc gia.

e) Lĩnh vực Báo chí - Truyền thông

- Chuyển đổi toàn diện hoạt động báo chí sang môi trường số; phát triển báo chí đa nền tảng và hình thành hệ sinh thái truyền thông số quốc gia; xây dựng các siêu ứng dụng báo chí - truyền thông đa phương tiện tích hợp đọc tin, xem các

đoạn phim (video), chương trình truyền hình số (vodcast), nghe các chương trình phát thanh số (podcast) tương tác và chia sẻ nội dung trên cùng một nền tảng.

- Hình thành trung tâm truyền thông số quốc gia về văn hoá, kết nối dữ liệu với các lĩnh vực du lịch, giáo dục, nghệ thuật và các lĩnh vực khác nhằm hình thành hệ sinh thái truyền thông - văn hoá thống nhất, liên thông và bền vững.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, quản trị nội dung, biên tập, tổng hợp, dịch tự động đa ngôn ngữ, phân tích xu hướng và cá nhân hóa nội dung; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, phân tích hành vi, thị hiếu công chúng, phục vụ dự báo xu hướng tiếp nhận, tiêu dùng tác phẩm văn hóa và định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

- Xây dựng các chuyên trang, kênh truyền thông đa ngôn ngữ quảng bá văn hoá Việt Nam trên phạm vi quốc tế; phát triển nền tảng truyền thông tri thức xã hội số quốc gia về văn hóa, giải trí trên thiết bị di động.

- Tăng cường quản lý thông tin trên môi trường số và các nền tảng xã hội; triển khai hệ thống giám sát thông tin, phát hiện, xử lý và đấu tranh với tin giả, thông tin xấu độc, góp phần hỗ trợ định hướng tư tưởng, thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh văn hoá, tư tưởng trên môi trường số.

g) Lĩnh vực Văn hoá cơ sở

- Thực hiện số hoá, chuẩn hoá nội dung; xây dựng kho nội dung số gồm các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, bảo đảm cung cấp và khai thác tài nguyên dùng chung đồng bộ, hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ và tuyên truyền lưu động; thực hiện ghi hình, phát trực tiếp và lưu trữ dữ liệu số, góp phần phát triển văn hóa số cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số.

- Đầu tư, trang bị thiết bị trình chiếu, thư viện điện tử, màn hình tương tác và đường truyền Internet tốc độ cao tại nhà văn hoá, trung tâm văn hoá - thể thao cấp tỉnh, cấp xã; hình thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng hiện đại, kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

h) Lĩnh vực Văn hóa các dân tộc thiểu số

- Thực hiện số hoá di sản và tri thức bản địa; thống kê, sưu tầm và số hoá ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, lễ hội, nghệ thuật dân gian, di tích, nhạc cụ, công cụ, trang phục, sản phẩm thủ công của đồng bào các dân tộc thiểu số; xây dựng nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kho tư liệu số đa phương tiện, đa ngôn ngữ về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm quy định tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, kết nối, chia sẻ và liên thông với cơ sở dữ liệu văn hoá quốc

gia; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý lĩnh vực văn hóa các dân tộc thiểu số.

- Quảng bá và giáo dục giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên nền tảng số; xây dựng các ứng dụng và bảo tàng số về văn hoá các dân tộc thiểu số; xây dựng các nền tảng, kênh phân phối số để hỗ trợ phát hành phim tài liệu, trò chơi điện tử mang nội dung văn hóa, lịch sử của đồng bào dân tộc thiểu số...; xây dựng các ứng dụng giáo dục và kênh truyền thông số về bản sắc văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc thiểu số nhằm phổ biến, lan toả giá trị văn hoá đến công chúng trong và ngoài nước.

- Phát triển công nghiệp văn hoá và du lịch trải nghiệm gắn với văn hóa các dân tộc thiểu số; quảng bá sản phẩm thủ công mỹ nghệ, ẩm thực và dịch vụ văn hoá thông qua thương mại điện tử và các nền tảng xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) vào các sự kiện văn hóa, du lịch tại địa phương.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Bảo đảm thống nhất với các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển văn hóa của Đảng, Nhà nước, phù hợp với chương trình Chuyển đổi số quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Triển khai chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên các trụ cột từ nhận thức, thể chế, hạ tầng, dữ liệu, nhân lực đến mô hình tổ chức, phương thức quản lý.

c) Ưu tiên kế thừa, tích hợp, tái sử dụng các tài nguyên văn hóa số sẵn có; ứng dụng các công nghệ số tiên tiến nhất.

d) Phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư và liên kết liên ngành trong tổ chức triển khai.

đ) Xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể, có lộ trình và chỉ số đo lường, gắn với bộ chỉ số tiêu chí đánh giá chuyên ngành, bảo đảm công khai, minh bạch và tăng cường giám sát, đánh giá độc lập.

2. Phân công nhiệm vụ

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

- Chủ trì theo thẩm quyền để xây dựng, sửa đổi, ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; phối hợp với các bộ, cơ quan trong việc xây dựng, hoàn thiện, ban hành các văn bản pháp luật liên quan.

- Chủ trì phát triển các nền tảng số quốc gia dùng chung và nền tảng chuyên ngành thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

- Chủ trì triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, lực lượng lao động trong lĩnh vực văn hóa.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hằng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức tổng kết vào năm 2030; đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án trong trường hợp cần thiết.

b) Bộ Công an

- Chủ trì thẩm định, phê duyệt và hướng dẫn phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Đề án theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; bảo đảm an ninh dữ liệu, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dữ liệu; quản lý, theo dõi, giám sát đối với hoạt động kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa.

- Chủ trì và phối hợp trong việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin trong lĩnh vực văn hóa.

c) Bộ Tài chính

Căn cứ đề xuất dự toán của các bộ, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ tại Đề án và trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí để thực hiện Đề án theo quy định.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó tăng cường trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc tuân thủ các quy định về bảo vệ bản quyền trên không gian mạng.

- Phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn hoạt động phổ cập văn hóa số của Tổ công nghệ số cộng đồng.

đ) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đổi mới chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nâng cao năng lực số của các cơ sở đào tạo ngành văn hóa.

e) Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

g) Ban Cơ yếu Chính phủ

Phối hợp với Bộ Công an triển khai dịch vụ chứng thực Chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

h) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép triển khai các nhiệm vụ có liên quan của Đề án chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa vào các chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các dự án số hóa và phát triển nguồn tài nguyên văn hóa số.

i) Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc:

- Tham gia lựa chọn, kết nối và huy động các đối tác sở tại (cơ quan văn hóa, bảo tàng, thư viện, trung tâm văn hóa, trường đại học, tổ chức quốc tế, nền tảng số, doanh nghiệp công nghệ - truyền thông...) để cùng tổ chức các hoạt động quảng bá văn hóa Việt Nam trên môi trường số;

- Hỗ trợ tổ chức, truyền thông và lan tỏa các hoạt động trưng bày, triển lãm, giới thiệu di sản văn hóa, tác phẩm nghệ thuật và sản phẩm văn hóa Việt Nam dưới hình thức số hoặc kết hợp trực tiếp/trực tuyến tại địa bàn sở tại.

k) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa tại địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

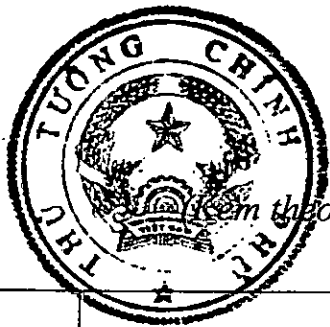
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Cục, Vụ;
- Lưu: VT, CDS (2b)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kèm theo Quyết định số 611 /QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ/Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
1	Hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa				
1.1	Rà soát, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất hoàn thiện khung khổ pháp lý trong lĩnh vực văn hóa, tập trung vào các nội dung còn bất cập, khoảng trống pháp lý mới và các vấn đề chưa được thể chế hóa, nhất là quản lý văn hóa trên môi trường số, đặt hàng sản xuất nội dung văn hóa số, các phương thức truyền thông mới, quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm do con người và trí tuệ nhân tạo tạo ra.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Báo cáo rà soát và các Văn bản bổ sung, sửa đổi được ban hành	Hoàn thành báo cáo rà soát trong Quý IV năm 2026. Thực hiện xây dựng, bổ sung, sửa đổi các văn bản từ năm 2026, nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
1.2	Xây dựng Bộ chỉ số về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa có ứng dụng công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ chỉ số về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa quý IV năm 2026. Bộ chỉ số và hệ thống tổng hợp, đánh giá, phân tích, đo lường đưa vào vận hành năm 2027	Quý III năm 2027

1.3	Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền Khung kiến trúc dữ liệu tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và bộ từ điển dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực văn hóa, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Khung kiến trúc dữ liệu tổng thể, Khung quản trị dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực văn hóa	Quý II năm 2026
1.4	Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền, rà soát cập nhật khung kiến trúc số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bảo đảm phù hợp và tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung Kiến trúc Chính phủ số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Khung kiến trúc số theo thẩm quyền	Quý II năm 2026
1.5	Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, cấu trúc dữ liệu; hướng dẫn tạo lập, phân loại, cập nhật, chuẩn hóa và làm giàu; ban hành quy chế quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các văn bản ban hành theo thẩm quyền	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
1.6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở trong lĩnh vực văn hóa, bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở trong lĩnh vực văn hóa	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
1.7	Triển khai nghiên cứu, xây dựng và đề xuất thí điểm cơ chế đặc thù thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, hợp tác công – tư, các mô hình quỹ đầu tư và tài trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để thúc đẩy phát triển công nghệ lõi, công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa trên môi trường số; nghiên cứu, xây dựng và đề	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành theo thẩm quyền	Quý III năm 2027

	xuất thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa				
1.8	Triển khai nghiên cứu, xây dựng và thí điểm một số mô hình sáng tạo ứng dụng công nghệ cao nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, sáng tạo và phân phối sản phẩm, dịch vụ văn hóa mới dựa trên khai thác di sản văn hóa theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập quốc tế.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các mô hình ứng dụng công nghệ cao được xây dựng, triển khai thí điểm.	Năm 2026 và các năm tiếp theo
1.9	Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong lĩnh vực văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý III năm 2026
2	Phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong lĩnh vực văn hóa				
2.1	Nâng cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành nền tảng tích hợp, điều phối và chia sẻ dữ liệu (LDOP), bảo đảm khả năng tích hợp, điều phối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các nền tảng dữ liệu quốc gia và hệ thống dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Nền tảng tích hợp, điều phối và chia sẻ dữ liệu (LDOP) được nâng cấp và vận hành, bảo đảm tích hợp, điều phối, chia sẻ và liên thông dữ liệu với các hệ thống trong và ngoài Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Quý III năm 2027
2.2	Xây dựng hệ thống dữ liệu về văn hóa, thể thao và du lịch, bao gồm kho dữ liệu dùng chung nhằm thu thập, chuẩn hóa, quản lý và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; các cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa; nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung trong lĩnh vực văn hóa.				

2.2.1	Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu số dùng chung về văn hóa, thể thao và du lịch nhằm thu thập, chuẩn hóa, quản lý và khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Kho dữ liệu số dùng chung về văn hóa, thể thao và du lịch được xây dựng và đưa vào vận hành.	Quý III năm 2028
2.2.2	Xây dựng nền tảng quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Nền tảng quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa được xây dựng và vận hành	Quý III năm 2028
2.2.3	Xây dựng Cổng dữ liệu văn hóa, thể thao và du lịch cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và cộng đồng sáng tạo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Cổng dữ liệu văn hóa, thể thao và du lịch được đưa vào vận hành, duy trì thường xuyên	Quý III năm 2028
2.2.4	Xây dựng và vận hành Thư viện số quốc gia, liên kết các thư viện công lập của trường học và địa phương trong một mạng lưới thống nhất. Xây dựng cơ sở dữ liệu thư viện Việt Nam, số hóa tài liệu quốc gia, mục lục liên hợp quốc gia.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Thư viện số quốc gia được xây dựng, liên kết mạng lưới; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về thư viện; mục lục liên hợp quốc gia được xây dựng.	Bắt đầu triển khai từ năm 2026 và hoàn thành liên kết mạng lưới vào năm 2030
2.2.5	Xây dựng phiên bản số cho Bảo tàng Lịch sử quốc gia, thực hiện kết nối, chia sẻ với các bảo tàng trong nước và quốc tế; xây dựng Cơ sở dữ liệu Bảo tàng Việt Nam, cơ sở dữ liệu và không gian trải nghiệm, trưng bày số của các bảo tàng công lập.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Bảo tàng lịch sử số quốc gia được xây dựng và vận hành; Cơ sở dữ liệu Bảo tàng Việt Nam, cơ sở dữ liệu và không gian trải nghiệm, trưng bày số của các bảo tàng công lập được xây dựng.	Bắt đầu triển khai từ năm 2026 và hoàn thành kết nối, chia sẻ trong mạng lưới vào năm 2030
2.2.6	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu điện ảnh, kho phim số quốc gia; Nền tảng quản lý hoạt động điện ảnh quốc gia; nền tảng trực tuyến phát hành phim số của Việt Nam; hệ thống ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác quản lý	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa	Hệ thống cơ sở dữ liệu điện ảnh, kho phim số quốc gia; Nền tảng quản lý hoạt động điện ảnh quốc gia; Nền tảng phát	Bắt đầu thực hiện năm 2026 và hoàn thành đưa

	và hoạt động thẩm định, phân loại phim; nền tảng vé điện tử dùng chung phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật và tham quan. Phát triển Bảo tàng Điện ảnh ảo cho phép công chúng toàn cầu tham quan, xem hiện vật số, trải nghiệm lịch sử điện ảnh Việt Nam.		phương liên quan	hành phim số trực tuyến; Hệ thống ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác quản lý và hoạt động thẩm định, phân loại phim; Nền tảng vé điện tử dùng chung; Bảo tàng Điện ảnh ảo được xây dựng và vận hành theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt	vào vận hành năm 2028
2.2.7	Triển khai các hệ thống quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn; xây dựng Cơ sở dữ liệu Hoạt động biểu diễn (bao gồm xây dựng các cơ sở dữ liệu về nghệ sĩ, nhóm nghệ sĩ và đơn vị nghệ thuật; cơ sở dữ liệu về nghệ thuật xiếc Việt Nam...); Cơ sở dữ liệu lĩnh vực văn học.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các hệ thống quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn; cơ sở dữ liệu lĩnh vực văn học được xây dựng và vận hành theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bắt đầu thực hiện năm 2026 và hoàn thành đưa vào vận hành năm 2028
2.2.8	Xây dựng và phát triển Hệ thống quản lý dữ liệu về công nghiệp văn hóa dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ hợp tác, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống quản lý dữ liệu về công nghiệp văn hóa dùng chung được xây dựng và đưa vào vận hành	Quý III năm 2027
2.2.9	Xây dựng Hệ thống quản lý dữ liệu nhân lực của ngành văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống quản lý dữ liệu nhân lực ngành văn hóa được xây dựng và vận hành	Quý III năm 2027
2.2.10	Xây dựng Hệ thống đăng ký bản quyền số, cho phép nộp đơn, cấp giấy chứng nhận và tra cứu trực tuyến, kết nối, liên thông dữ liệu, phát triển	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các	Hệ thống đăng ký bản quyền số và Kho dữ liệu bản quyền số tập trung	Quý III năm 2027

	Kho dữ liệu bản quyền số tập trung, chuẩn hóa dữ liệu về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu, hợp đồng, giấy phép; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia theo quy định		bộ, ngành, địa phương liên quan	được xây dựng và vận hành	
2.2.11	Triển khai và vận hành Hệ thống giám sát, bảo vệ bản quyền số nhằm tăng cường năng lực kiểm soát vi phạm bản quyền, nội dung vi phạm pháp luật về bản quyền, tài sản văn hóa số trên môi trường mạng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống giám sát và bảo vệ bản quyền số được triển khai và vận hành	Quý IV năm 2027
2.2.12	Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch bản quyền số, các quyền liên quan, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, các sản phẩm công nghiệp văn hóa, đặc biệt dưới dạng tài sản số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công thương và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Sàn giao dịch bản quyền số, các sản phẩm công nghiệp văn hóa, nghệ thuật được triển khai và vận hành	Quý IV năm 2027
2.2.13	Xây dựng và vận hành nền tảng truyền thông tri thức xã hội số quốc gia về văn hóa, giải trí trên thiết bị di động, gắn với các chương trình nội dung trọng điểm có định hướng tri thức và chiều sâu văn hóa, tạo thành dòng chủ lưu định hình chuẩn mực hành vi, ứng xử văn hóa, góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, an toàn và lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam trên không gian số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Nền tảng truyền thông tri thức xã hội số quốc gia trên thiết bị di động được hoàn thành và vận hành. Các chương trình nội dung trọng điểm có định hướng tri thức và chiều sâu văn hóa	Quý IV năm 2027
2.2.14	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Cơ quan Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Cơ sở dữ liệu Cơ quan Báo chí và các Cơ sở dữ liệu thành phần	Quý IV năm 2026

2.2.15	Triển khai Trung tâm giám sát an toàn thông tin trong lĩnh vực văn hóa (hệ thống SOC cấp bộ) kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Trung tâm giám sát an toàn thông tin trong lĩnh vực văn hóa (cấp bộ)	Quý III năm 2028
2.2.16	Xây dựng Bản đồ số về các lĩnh vực văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Bản đồ số về các lĩnh vực văn hóa được xây dựng	Quý IV năm 2027
2.2.17	Xây dựng hệ thống định danh các sản phẩm văn hóa số nhằm xác thực tình trạng thông tin về quyền sở hữu và quyền khai thác đối với tài nguyên văn hóa, phục vụ công tác quản lý và giao dịch trên môi trường số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Bộ Công thương và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống định danh các sản phẩm số	Quý III năm 2027
2.2.18	Xây dựng và vận hành Kho dữ liệu số về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Cơ sở dữ liệu về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Quý IV năm 2026
2.2.19	Phát triển nền tảng phân phối nội dung số Việt Nam, cung cấp nội dung văn hóa - nghệ thuật quốc gia, phân phối phim Việt, âm nhạc Việt...; tăng tỷ lệ phân phối nội dung văn hóa Việt Nam trên nền tảng trong nước.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan; Doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nền tảng phân phối nội dung số Việt Nam,	Quý IV năm 2028
2.2.20	Xây dựng các hệ thống thông minh ứng dụng Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các hệ thống thông minh ứng dụng IoT và AI cho di sản văn hóa được xây dựng	Năm 2026 và các năm tiếp theo

2.3	Xây dựng Đề án thiết lập hạ tầng văn hóa số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan; các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, nội dung văn hóa số	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án thiết lập hạ tầng văn hóa số. Hạ tầng văn hóa số được triển khai xây dựng và đưa vào vận hành.	Bắt đầu thực hiện năm 2026 và hoàn thành đưa vào vận hành năm 2028
2.4	Xây dựng Đề án khai thác, phát huy tài sản văn hóa số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyet Đề án và tổ chức triển khai	Quý IV năm 2026
2.5	Triển khai dịch vụ chứng thực Chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tích hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2.6	Triển khai hệ thống rà quét phát hiện thông tin xấu độc, phản văn hóa, bảo vệ văn hóa trên môi trường mạng.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Hệ thống rà quét phát hiện thông tin xấu độc trên môi trường mạng được triển khai và vận hành.	Năm 2027 và các năm tiếp theo
3	Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ phát triển các nền tảng số để huy động, gây quỹ cộng đồng, tài trợ, khuyến khích hợp tác công – tư (PPP), kết nối với các quỹ đầu tư trong lĩnh vực văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân	Cơ chế hỗ trợ phát triển các nền tảng số để huy động, gây quỹ cộng đồng, tài trợ, khuyến khích hợp tác công – tư (PPP), kết nối với các quỹ đầu tư trong lĩnh vực văn hóa	Năm 2026 và các năm tiếp theo
4	Phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức chuyên ngành trên nền tảng số				

4.1	Xây dựng, triển khai các học liệu số trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở (MOOCs) ứng dụng các công nghệ mới và phát động phong trào “Bình dân học vụ số” trong lĩnh vực văn hóa; tổ chức các khóa, chương trình phổ cập, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng số, kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp theo các lĩnh vực chuyên ngành, sinh viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về văn hóa trên môi trường số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan; các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp về văn hóa	Các học liệu số; các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số trên môi trường số được tổ chức thực hiện	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4.2	Xây dựng và triển khai Đề án Giáo dục trải nghiệm văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam cho học sinh trên nền tảng số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Đề án Giáo dục trải nghiệm văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam cho học sinh trên nền tảng số được phê duyệt và tổ chức triển khai	Quý III năm 2027
4.3	Xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ dân tộc, tôn giáo ở cơ sở; đào tạo lực lượng cộng tác viên số am hiểu phong tục, ngôn ngữ, tín ngưỡng bản địa, hỗ trợ số hóa dữ liệu và hướng dẫn người dân tộc thiểu số sử dụng dịch vụ văn hóa số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4.4	Triển khai các chương trình phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn sử dụng các nền tảng văn hóa số cho nhóm yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo có thể tiếp cận mọi lúc, mọi nơi qua môi trường số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các chương trình, hoạt động phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn sử dụng nền tảng văn hóa số cho nhóm người yếu thế được tổ chức thực hiện	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4.5	Tổ chức các chương trình, cuộc thi và liên hoan sáng tạo văn hoá - công nghệ cấp quốc gia thông qua nền tảng số dùng chung	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Chương trình, cuộc thi và liên hoan sáng tạo văn hoá - công nghệ cấp quốc	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030

				gia thông qua nền tảng số dùng chung	
5	Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền và giáo dục về văn hóa trên môi trường số				
5.1	Truyền thông, giáo dục và phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, hình thành chuẩn mực, hành vi ứng xử văn hóa số trong cộng đồng, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn và nhân văn trên không gian số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các chương trình truyền thông, giáo dục tăng cường nhận thức về văn hóa số	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
5.2	Sản xuất các tuyến nội dung tuyên truyền, quảng bá về văn hóa, lịch sử, truyền thống của các dân tộc Việt Nam, có định hướng và chiều sâu văn hóa để quảng bá trên các nền tảng số trong nước, quốc tế và lan tỏa ra thế giới	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các nền tảng, kênh truyền thông số dùng chung để quảng bá văn hóa, lịch sử được xây dựng và vận hành	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
5.3	Xây dựng các bộ tài nguyên số, dữ liệu số (3D, VR/AR) về văn hóa, lịch sử để cung cấp chất liệu đầu vào, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất phim hoạt hình, trò chơi điện tử mang bản sắc Việt Nam.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Các bộ tài nguyên số, dữ liệu số (3D, VR/AR) về văn hóa, lịch sử và các nền tảng công cụ hỗ trợ phát hành được đưa vào khai thác	Hàng năm
5.4	Tham gia lựa chọn, kết nối, huy động đối tác sở tại và hỗ trợ tổ chức, truyền thông, lan tỏa các hoạt	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở	Các sự kiện, hoạt động trưng bày, triển lãm,	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030

	động trưng bày, triển lãm, quảng bá văn hóa Việt Nam trên môi trường số tại địa bàn sở tại		nước ngoài, Bộ Ngoại giao	quảng bá văn hóa số được tổ chức tại nước sở tại	
6	Nghiên cứu, đề xuất một số dự án (Bài toán lớn) trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành danh mục các bài toán lớn bổ sung hằng năm trong lĩnh vực văn hóa. Tổ chức thực hiện các dự án triển khai nhiệm vụ của bài toán lớn.	Năm 2026 và các năm tiếp theo